

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/05/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Tuyết

2. Ông Đỗ Quang Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố

Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Phương -Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 05 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 05 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thu T, sinh năm 1992;** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, phường A, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ cư trú: 165 đường B, phường C, Thanh Xuân, Hà Nội. Có mặt

Bị đơn: Anh Trần Khánh L – Sinh năm: 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: Nhà 5A1, khu tập thể Đại học D, phường H , quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, chị Lê Thu T có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thu T xin ly hôn với anh Trần Khánh L.

Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là: Trần Linh C, sinh ngày 19/09/2016. Chị T đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1) 01 trích lục kết hôn (bản sao);
- 2) 02 CMTND của vợ; chồng (bản sao);
- 3) Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);
- 4) 01 trích lục khai sinh con (bản sao).

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – chị Lê Thu T trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Trần Khánh L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 09/09/2016, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga. Trong cuộc sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp mẹ chồng nàng dâu và quan điểm sống khác nhau nên chồng chị không thể cân bằng và có những xô xát không đáng có. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Nay thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là: Trần Linh C, sinh ngày 19/09/2016. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Trần Khánh L thừa nhận anh và Chị T có đăng kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga. Anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nay Chị T xin ly hôn, dù mong muốn của anh là gia đình đoàn tụ nhưng nếu Chị T nhất quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý và xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn, chị được ly hôn với anh L. Về con chung: Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vì cháu là con gái, hơn nữa từ trước tới nay ngay cả trong thời gian dài anh chị sống ly thân cháu C đều do chị trực tiếp chăm sóc. Chị có công việc và chỗ ở và công việc ổn định. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Trần Khánh L đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung do anh có chỗ ở và công việc ổn định

hơn Chị T. Anh không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thu T với anh Trần Khánh L, Chị T được ly hôn với anh L; Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Linh C, sinh ngày 19/9/2016 cho Chị T nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L cho đến khi Chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thu T đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân.

[2]. Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa Chị T, anh L dựa trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, điều này được thể hiện qua lời trình bày của Nguyên đơn, bị đơn trong suốt quá trình tố tụng. Bị đơn cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và nếu nguyên đơn cương quyết

xin ly hôn, anh cũng đồng ý. Xét thấy hôn nhân giữa Chị T, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quá trình khi còn chung sống không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, Chị T được ly hôn anh L.

[3] Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là: Trần Linh C, sinh ngày 19/09/2016. Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều dành nhiều tình cảm cho con, tha thiết có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và điều kiện nuôi con tương đối như nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, anh L thừa nhận từ thời điểm anh chị sống ly thân, Chị T là người trực tiếp chăm sóc con chung và hiện tại sức khỏe cũng như tinh thần của cháu rất tốt. Hơn nữa cháu Linh Chi là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của mẹ nên giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng chung là có căn cứ.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử :

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thu T, Chị T được ly hôn anh Trần Khánh L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Linh C, sinh ngày 19/09/2016 cho Lê Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L cho đến khi Chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng Chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006607 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân